

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 24/2022/DS-ST

Ngày: 28-02-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Lệ Pha

2. Ông Nguyễn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công KHi vụ án thụ lý số: 123/2021/TLST–DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1957

Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bạch T: Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu;

Bị đơn: Ông Ngô Minh KH, sinh năm 1975

Bà Huỳnh Thị Bích L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp A, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu;

(Ông Nguyễn Hữu K có mặt, ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2021, quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn trình bày:

Từ nhiều năm nay ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L có hợp

đồng mua bán thức ăn với vợ chồng ông. Những năm trước đây thì bà L và ông KH thực hiện thanh toán nợ đầy đủ nhưng từ năm 2017 đến nay thì tiền nợ càng nhiều. Vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu ông KH và bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông KH và bà L vẫn chưa thanh toán hết nợ. Ngày 20/4/2020 vợ chồng ông và ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L có đối chiếu công nợ, tính đến ngày 20/4/2021 vợ chồng ông Ngô Minh KH, bà Huỳnh Thị Bích L còn nợ lại số tiền 7.697.690.000 đồng. Sau đó ông KH và bà L có trả tổng số tiền là 852.774.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 25/4/2020 trả được 73.480.000 đồng.
- Ngày 04/5/2020 trả 31.740.000 đồng.
- Ngày 15/5/2020 trả 100.000.000 đồng.
- Ngày 21/5/2020 trả 85.000.000 đồng.
- Ngày 25/5/2020 trả 90.000.000 đồng.
- Ngày 01/6/2020 trả 90.000.000 đồng.
- Ngày 18/6/2020 trả 81.740.000 đồng.
- Ngày 18/7/2020 trả 40.000.000 đồng.
- Ngày 14/8/2020 trả 190.000.000 đồng.
- Ngày 26/9/2020 trả 70.000.000 đồng.
- Ngày 23/10/2020 trả 814.000 đồng.

Đến ngày 30/10/2020 ông KH và bà L tiếp tục lấy thêm thức ăn tôm với số tiền 7.860.000 đồng. Từ đó đến nay ông KH và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nữa. Tổng số nợ mà bà L và ông KH còn nợ là 6.852.776.000 đồng.

Nay ra Tòa ông Nguyễn Hữu K và bà Nguyễn Thị Bạch T yêu cầu ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 6.852.776.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 24/10/2020 đến ngày xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Bạch T. Buộc ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L trả cho ông K, bà T số tiền 7.762.824.652 đồng (trong đó nợ gốc là 6.852.776.000 đồng, lãi chậm trả là 910.048.652 đồng).

- Về chi phí giám định: Buộc ông Ngô Minh KH, bà Huỳnh Thị Bích L hoàn lại cho ông Nguyễn Hữu K và bà Nguyễn Thị Bạch T theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Buộc ông Ngô Minh KH, bà Huỳnh Thị Bích L phải nộp số tiền án phí có giá ngạch theo quy định tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ông Nguyễn Hữu K và bà Nguyễn Thị Bạch T khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán đối với bị đơn ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L cư trú tại Ấp A, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ lời trình bày của Nguyễn Hữu K, cùng với Kết luận giám định số 110 ngày 13/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu xác định chữ ký và chữ viết tại các “hợp đồng mua bán” thể hiện chữ ký và chữ viết tên đúng là của ông Ngô Minh KH, không đủ cơ sở xác định chữ ký, chữ viết Huỳnh Thị Bích L có phải cùng một người ký ra. Kết luận giám định chữ ký và chữ viết tại “Bảng đối chiếu công nợ” thể hiện chữ ký và chữ viết tên đúng là của ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L;

Mặc dù không có cơ sở xác định chữ ký, chữ viết của bà Huỳnh Thị Bích L tại các hợp đồng mua bán nhưng chữ ký và chữ viết tại Bảng đối chiếu công nợ là của bà Huỳnh Thị Bích L. Điều này thể hiện việc bà L có biết và có thực hiện việc mua bán và có đối chiếu công nợ với ông Nguyễn Hữu K và bà Nguyễn Thị Bạch T.

Do đó đủ cơ sở xác định giao dịch mua bán giữa ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Ngô Minh KH, bà Huỳnh Thị Bích L là có xảy ra trên thực tế.

Ông Nguyễn Hữu K xác định ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L còn nợ số tiền mua thức ăn thủy sản là 6.852.776.000 đồng và cung cấp các hợp đồng mua bán, bảng đối chiếu công nợ, sổ giao nhận hàng có chữ ký của ông Ngô Minh KH, bà Huỳnh Thị Bích L. Căn cứ vào Bảng đối chiếu công nợ

ngày 20/4/2020 thì ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L còn nợ ông Nguyễn Hữu K và bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền 7.697.690.000 đồng. Sau đó ông KH và bà L có trả tiền tổng số tiền trả là 852.774.000 đồng. Đến ngày 30/10/2020 ông KH và bà L tiếp tục lấy thêm thức ăn tôm với số tiền 7.860.000 đồng. Như vậy tổng số nợ mà bà L và ông KH còn nợ là 6.852.776.000 đồng.

Ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Bạch T đã xuất trình được bảng đối chiếu công nợ và qua kết quả giám định đúng là chữ ký và chữ viết của bà Huỳnh Thị Bích L và ông Ngô Minh KH. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Bạch T đối với số tiền nợ gốc của ông KH và bà L là 6.852.776.000 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ của ông K, bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng do ông KH, bà L không thực hiện đúng theo thỏa thuận theo thỏa thuận tại bảng đối chiếu công nợ nên ông K, bà T yêu cầu tính lãi suất của số tiền nợ nêu trên theo quy định pháp luật là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do các bên không thỏa thuận với nhau về mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự là 10%/năm (0,83%/tháng).

Thời điểm ông KH, bà L vi phạm thỏa thuận là từ ngày 01/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/02/2022) là 16 tháng. Lãi suất được tính như sau: 6.852.776.000 đồng x 0,83%/tháng x 16 tháng = 910.048.652 đồng

[3] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí giám định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu. Ông Nguyễn Hữu K đã dự nộp 6.000.000 đồng và chi hết. Buộc ông KH, bà L phải hoàn lại cho ông K số tiền 6.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thị Bạch T đối với ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L.

Buộc ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L trả cho ông Nguyễn Hữu K và bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền 7.762.824.652 đồng (trong đó nợ gốc là 6.852.776.000 đồng, lãi chậm trả là 910.048.652 đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí giám định: Buộc ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L phải hoàn lại cho ông Nguyễn Hữu K số tiền 6.000.000 đồng.

2. Về án phí: Buộc ông Ngô Minh KH và bà Huỳnh Thị Bích L phải chịu án phí sơ thẩm là 115.762.824 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đông Hải;
- Cơ quan THA huyện Đông Hải;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phan Thị Mỹ Ghét